



fǎng zhì pǐn

仿制品

noun · imitation product, counterfeit

Example Sentences

zhè ge bāo shì fǎng zhì pǐn

这个包是仿制品。

This bag is an imitation product.

shì chǎng shàng yǒu hěn duō fǎng zhì pǐn gòu mǎi shí yào xiǎo xīn

市场上有很多仿制品，购买时要小心。

There are many imitation products on the market; be careful when buying.

Trace each character, then write the word on your own.

仿	仿	仿	仿	仿	仿	仿	仿	仿		
制	制	制	制	制	制	制	制	制	制	制
品	品	品	品	品	品	品	品	品	品	品
品										